TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-10-2020
V/v: Kiện xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Chi.
2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1994.**

Địa chỉ: Tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn: Anh Lại Quang Tr, sinh năm 1994.**

Địa chỉ: Tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị T, anh Tr vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

∗ Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Dương Thị T và anh Lại Quang Tr kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào đầu năm 2011 và đến ngày 23/9/2013 thì được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Hà

Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian và đã sinh được hai con nhưng do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lại Quang Tr.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lại Thế A, sinh ngày 27/7/2011 (con trai) và Lại Dương Gia L, sinh ngày 07/12/2014 (con gái). Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho cả hai con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Con nuôi, con riêng: không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lại Quang Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không lấy được ý kiến của bị đơn.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Bị đơn anh Lại Quang Tr vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần và không có văn bản gửi Tòa nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

-Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy địnhvề mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T: Xử ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Lại Quang Tr.

2/ Về con chung: Giao chị Dương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Lại Thế A và Lại Dương Gia L. Anh Tr phải cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ cho chị T.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lại Quang Tr khi mở phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Tòa xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Lại Quang Tr là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 23 tháng 9 năm 2013, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị T và anh Tr đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được hai người con. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ

chồng do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh Tr không có quan điểm gì về cuộc hôn nhân cũng cho thấy anh không muốn đoàn tụ trở lại. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh Tr không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, tiến bộ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó HĐXX căn cứ vào Điều 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị T và anh Tr là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lại Thế A, sinh ngày 27/7/2011 (con trai) và Lại Dương Gia L, sinh ngày 07/12/2014 (con gái). Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị T là chính đáng, cháu Gia L còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ và cháu Thế A đã có quan điểm nguyện vọng xin ở với mẹ, do đó HĐXX thấy rằng cần giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục là phù hợp. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị T là cần thiết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em chưa thành niên đồng thời cũng là nghĩa vụ và trách nhiệm của người cha đối với con đẻ. Do đó HĐXX thấy cần phải buộc anh Lại Quang Tr phải có trách nhiệm đóng góp cho hai cháu là 3.000.000đ *(ba triệu đồng)* một tháng cùng chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Con nuôi, con riêng: Không có.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Lại Quang Tr.

2/ Về con chung: Giao chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là Lại Thế A, sinh ngày 27/7/2011 (con trai) và Lại Dương Gia L, sinh ngày 07/12/2014 (con gái) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung cùng chị T hàng tháng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi. Cụ thể, mỗi tháng anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung Lại Thế A là 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*, cấp dưỡng nuôi con chung Lại Dương Gia L là 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Con nuôi, con riêng: Không có.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr phải nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T nộp thay toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Tr là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Đối trừ với 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004488 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, chị T còn phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tr vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường M, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Duy